CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/BHC/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: SỐ 224, ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM

Điện thoại: 1800 599 900

E-mail: info@bhconsumer.com | www.ttcagris.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Số giấy chứng nhận cơ sở đã đủ điều kiện ATTP: Theo chứng nhận HACCP còn hiệu lực của cơ sở sản xuất được đề cập tại mục II.5

II. Thông tin về sản phẩm

1. **Tên sản phẩm: GẠO BIÊN HÒA DAILY CAO CẤP OM18**
2. **Thành phần:** 100% gạo trắng OM18
3. **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì.
4. **Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**

   - Khối lượng tịnh: 50 kg

   - Vật liệu bao bì đóng gói: Sản phẩm đựng trong bao bì làm từ vật liệu PP. Đảm bảo an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. **Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**

   Tên cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

   Địa chỉ trụ sở: Số 19, đường Võ Thị Sáu, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

   Địa điểm sản xuất : NHÀ MÁY GẠO XUẤT KHẨU TÂY NINH

   Địa chỉ nhà máy: Ấp Bến, Xã Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

   Xuất xứ : Việt Nam

   Số giấy chứng nhận HACCP: N752124, nơi cấp : GIC Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. **Kim loại nặng:** QCVN 8-2:2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Cadimi	mg/kg	0,4
2	Hàm lượng Asen	mg/kg	1,0
3	Hàm lượng Chì	mg/kg	0,2

2. **Độc tố vi nấm:** QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3

3. **Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật:** Phù hợp thông tư 50/2016/TT-BYT - Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm
4. **Tiêu chuẩn của nhà sản xuất:**

4.1 Chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng hạt, khô, rời, không vón cục.
- Mùi vị: Mùi thơm tự nhiên, đặc trưng, không có mùi vị lạ.
- Màu sắc: Màu trắng đặc trưng.

5. **Hướng dẫn sử dụng:**

- Vo gạo nhẹ với nước sạch 1–2 lần.
- Nấu với tỷ lệ gạo:nước từ 1:1 đến 1:1,3 tùy khẩu vị.
- Sau khi cơm chín, để ủ khoảng 10 phút rồi xới đều trước khi dùng.

6. **Hướng dẫn bảo quản:**

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Sau khi mở bao bì, nên đóng kín hoặc cho vào hộp có nắp đậy.
- Nên sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở bao bì

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Đồng Nai, ngày 20 tháng 08 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Nguyễn Bình Ninh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

GẠO CAO CẤP OM18 50 kg

BHC

Est. 1969
Bien Hoa DAILY

GẠO CAO CẤP OM18



KHỐI LƯỢNG TỊNH **50 kg**

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Nguyễn Bình Ninh

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC THƯỜNG TRỰC

Đồng Nai, Ngày 20 tháng 08 năm 2026

GẠO CAO CẤP OM18 50 kg

GẠO BIÊN HÒA DAILY CAO CẤP OM18

Thành phần: 100% gạo trắng OM18

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Vo gạo nhẹ với nước sạch 1–2 lần
- Nấu với tỷ lệ gạo:nước từ 1:1 đến 1:1,3 tùy khẩu vị
- Sau khi cơm chín, để ủ khoảng 10 phút rồi xới đều trước khi dùng

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp
- Sau khi mở bao bì, nên đóng kín hoặc cho vào hộp có nắp đậy
- Nên sử dụng trong vòng 30 ngày kể từ ngày mở túi để đảm bảo chất lượng

THÔNG TIN CẢNH BÁO

- Không sử dụng sản phẩm có dấu hiệu ẩm mốc, biến màu hoặc có mùi lạ
- Sản phẩm không có sử dụng chất bảo quản, cần bảo quản kín và nơi khô ráo
- Kiểm tra hạn sử dụng trước khi dùng

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì

Hạn sử dụng: Sử dụng tốt nhất trước 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Xuất xứ: Việt Nam

Sản phẩm của
CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA
Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam
Email: info@bhconsumer.com
Website: www.ttcagris.com.vn

Sản xuất tại
Cơ sở sản xuất: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH
Số 19, Đường Võ Thị Sáu, Phường Tân Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Địa điểm sản xuất : NHÀ MÁY GẠO XUẤT KHẨU TÂY NINH
Nhà máy: Ấp Bến, Xã Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

HOTLINE
1800 599 900

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

8 935015 522198

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 3600495818

Đăng ký lần đầu: ngày 16 tháng 05 năm 2001

Đăng ký thay đổi lần thứ: 31, ngày 28 tháng 05 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: BIEN HOA CONSUMER JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 224, Đường Hà Huy Giáp, Phường Trấn Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *0251.3836199* Số Fax: *0251.3836213*

Thư điện tử: *bhs@bhs.vn* Website: *www.bhs.vn*

3. Vốn điều lệ: 3.577.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy tỷ tám trăm triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 357.780.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: TRẦN QUẾ TRANG Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *08/08/1980* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *095180009939*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc: *173 Thái Phiên , Phường Bình Thới, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Duy Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trấn Biên, ngày 25 tháng 3 năm 2026

BẢN CAM KẾT
SẢN XUẤT, KINH DOANH THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN AN TOÀN

Kính gửi: Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Trấn Biên.

Tôi là: **TRẦN QUẾ TRANG**

Số Chứng minh thư hoặc thẻ căn cước hoặc mã số định danh công dân: 095180009939

Ngày cấp: 22/12/2021; Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH.

Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh: **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA**; GCNĐKKD số: 3600495818 đăng ký lần đầu ngày 16/05/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 30 ngày 03/10/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai cấp.

Địa điểm kinh doanh: số 224, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Địa chỉ liên hệ: Số 224, đường Hà Huy Giáp, phường Trấn Biên, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Điện thoại: 1800 599 900. Fax: Email: bhs@bhs.vn

Mặt hàng sản xuất, kinh doanh: Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

Nơi tiêu thụ sản phẩm: Đại lý, nhà phân phối, công ty kinh doanh, chuỗi cà phê, nhà hàng, siêu thị, các Công ty sản xuất.

Tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các yêu cầu bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành trong:

Kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản nhỏ lẻ, kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn (đường, ngũ cốc, nước màu, các sản phẩm từ dừa, nước uống đóng chai, đồ uống không cồn, gia vị - nước chấm) ☑

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bản cam kết này được làm thành 02 bản có giá trị như nhau, cơ quan quản lý giữ 01 bản, cơ sở giữ 01 bản. Thời hạn ký cam kết: 03 năm.

Xác nhận của Cơ quan tiếp nhận bản cam kết	*Chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh*
(Ký tên, đóng dấu)	
Phó Trưởng Phòng	
Vũ Hoàng Tuấn Anh	**TRẦN QUẾ TRANG**

Lưu số: 07/2026/BCK-ATTP

GIẤY CHỨNG NHẬN
CERTIFICATE OF REGISTRATION

Số chứng nhận: N752124

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG TÂY NINH

Ấp Bến, Xã Bến Cầu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Được đánh giá phù hợp với tiêu chuẩn

HACCP (CXC 1-1969 REV. 2022)

cho các hoạt động

Sản xuất và kinh doanh gạo

Ngày ban hành:	Ngày hết hạn:	Ngày chứng nhận lần đầu:
23/07/2026	14/08/2029	15/08/2023

Đặng Minh Tuấn
Giám đốc GIC Việt Nam

12F, 14 Láng Hạ Building, Giảng Võ, Hà Nội
Tel: 024.62752268 - www.gicvn.vn

GICG - ENABLING TRUST IN A CHANGING WORLD

Report N°: 0001597234

Ho Chi Minh City, Date: August 12, 2026
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 12/08/2026

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2607A-0746
Đơn hàng: 2607A-0746

CLIENT'S NAME : **BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY**
Tên khách hàng *CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA*

CLIENT'S ADDRESS : **224 HA HUY GIAP STREET, TRAN BIEN WARD, DONG NAI CITY, VIETNAM**
Địa chỉ *SỐ 224 ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **Gạo Biên Hòa Daily Cao Cấp OM18**
Chú thích của khách hàng

Sampling date : 04/06/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Rice (approx. gr. wt. 2.6kg) in 02 plastic containers**
Mô tả mẫu : *Gạo (khoảng 2.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa*

Sample ID : **2607A-0746.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : July 04, 2026
Ngày nhận mẫu : *04/07/2026*

Testing period : July 04, 2026 - July 20, 2026
Thời gian thử nghiệm : *04/07/2026 - 20/07/2026*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance	:	Granular, loose, non-caking, hard, dry rice grains, no live insects or weevils, no mold
Trạng thái	:	*Dạng hạt, rời, không vón cục, hạt gạo khô cứng, không sâu mọt sống, không mốc*
Color	:	Characteristic color of product
Màu	:	*Màu sắc đặc trưng của sản phẩm*
Odor	:	Characteristic odor of product, no strange odor
Mùi	:	*Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ*
Taste	:	Characteristic taste of product, no strange taste
Vị	:	*Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ*

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Alive insect *Côn trùng sống*	LFOD-TST-SOP-8351 (*)	0	-	-	Insect(s)/ 100g	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

M.S.D.N:0100114025-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
SGS VIỆT NAM
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẬN 3-TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001597138

Ho Chi Minh City, Date: August 12, 2026
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 12/08/2026

JOB NO.: 2607A-0746
Đơn hàng: 2607A-0746

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : **BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY**
Tên khách hàng *CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA*

CLIENT'S ADDRESS : **224 HA HUY GIAP STREET, TRAN BIEN WARD, DONG NAI CITY, VIETNAM**
Địa chỉ *SỐ 224 ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **Gạo Biên Hòa Daily Cao Cấp OM18**
Chú thích của khách hàng

Sampling date : 04/06/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Rice (approx. gr. wt. 2.6kg) in 02 plastic containers**
Mô tả mẫu : *Gạo (khoảng 2.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa*

Sample ID : **2607A-0746.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : July 04, 2026
Ngày nhận mẫu : *04/07/2026*

Testing period : July 04, 2026 - July 20, 2026
Thời gian thử nghiệm : *04/07/2026 - 20/07/2026*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Aflatoxin (sum of B1, B2, G1, and G2) *Aflatoxin (tổng của B1, B2, G1 và G2)*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	_(a)	_(a)	µg/kg	
2. Aflatoxin B1 *Aflatoxin B1*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	µg/kg	
3. Aflatoxin B2 *Aflatoxin B2*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	µg/kg	
4. Aflatoxin G1 *Aflatoxin G1*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	µg/kg	
5. Aflatoxin G2 *Aflatoxin G2*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	µg/kg	
6. Ochratoxin A *Ochratoxin A*	LFOD-TST-SOP-8456	Not Detected *Không phát hiện*	0.3	1	µg/kg	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (') were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (') được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/ mL for

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*



SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

M.S.D.N: 0100114025-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
QUẬN 3 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001597153

Ho Chi Minh City, Date: August 12, 2026
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 12/08/2026

JOB NO.: 2607A-0746
Đơn hàng: 2607A-0746

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME *Tên khách hàng*	:	**BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY** *CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA*
CLIENT'S ADDRESS *Địa chỉ*	:	**224 HA HUY GIAP STREET, TRAN BIEN WARD, DONG NAI CITY, VIETNAM** *SỐ 224 ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by *Được lấy/ gửi bởi*	: :	**Client** *Khách hàng*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	:	**Gạo Biên Hòa Daily Cao Cấp OM18**
Sampling date	:	04/06/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description *Mô tả mẫu*	: :	**Rice (approx. gr. wt. 2.6kg) in 02 plastic containers** *Gạo (khoảng 2.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa*
Sample ID *Mã số mẫu*	:	**2607A-0746.001**
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: :	July 04, 2026 *04/07/2026*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: :	July 04, 2026 - July 20, 2026 *04/07/2026 - 20/07/2026*
Test(s) requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: :	As applicant's requirement *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result(s) *Kết quả kiểm nghiệm*	: :	Please refer to the next page(s) *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. Arsenic (As) *Asen*	AOAC 2013.06	0.077	0.005	0.01	mg/kg	
2. Cadmium (Cd) *Cadimi*	AOAC 2013.06	0.019	0.005	0.01	mg/kg	
3. Lead (Pb) *Chì*	AOAC 2013.06	Not Detected *Không phát hiện*	0.005	0.01	mg/kg	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).

- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.

- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc

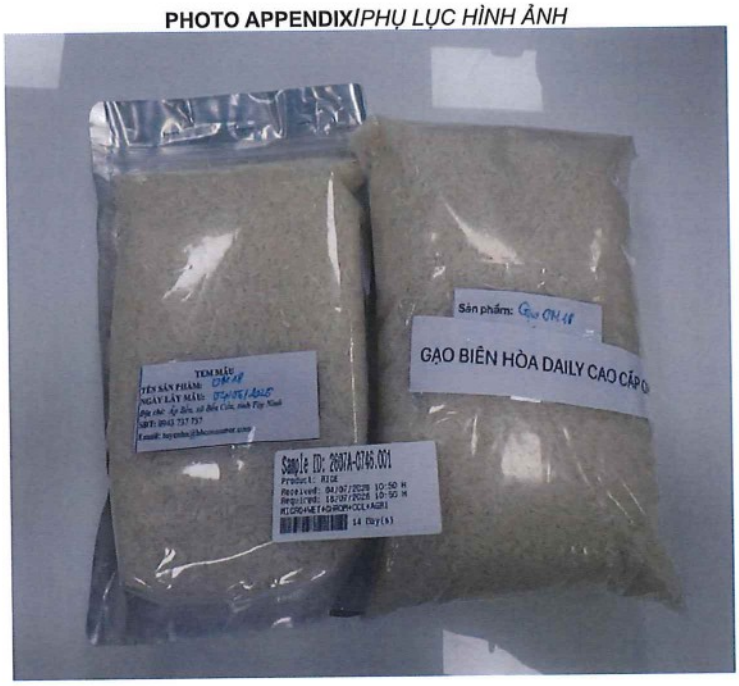
SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

<1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS
Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Ho Chi Minh City, Date: August 12, 2026
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 12/08/2026

JOB NO.: 2607A-0746
Đơn hàng: 2607A-0746

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME *Tên khách hàng*	:	**BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY** *CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA*
CLIENT'S ADDRESS *Địa chỉ*	:	**224 HA HUY GIAP STREET, TRAN BIEN WARD, DONG NAI CITY, VIETNAM** *SỐ 224 ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by *Được lấy/ gửi bởi*	: :	**Client** *Khách hàng*
Client's reference *Chú thích của khách hàng*	:	**Gạo Biên Hòa Daily Cao Cấp OM18**
Sampling date	:	04/06/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description *Mô tả mẫu*	: :	**Rice (approx. gr. wt. 2.6kg) in 02 plastic containers** *Gạo (khoảng 2.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa*
Sample ID *Mã số mẫu*	:	**2607A-0746.001**
Date sample(s) received *Ngày nhận mẫu*	: :	July 04, 2026 *04/07/2026*
Testing period *Thời gian thử nghiệm*	: :	July 04, 2026 - July 20, 2026 *04/07/2026 - 20/07/2026*
Test(s) requested *Yêu cầu thử nghiệm*	: :	As applicant's requirement *Theo yêu cầu của khách hàng*
Test result(s) *Kết quả kiểm nghiệm*	: :	Please refer to the next page(s) *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1. GMO detection: P35S *Phát hiện GMO: P35S*	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
2. GMO detection: T-nos *Phát hiện GMO: T-nos*	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
3. GMO detection: bar *Phát hiện GMO: bar*	ISO 21569:2005/ Amd 1:2013 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
4. GMO detection: Agroborder I *Phát hiện GMO: Agroborder I*	ISO/TS 21569-7:2022 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
5. GMO detection: cry1Ab/Ac *Phát hiện GMO: cry1Ab/Ac*	ISO/TS 21569-6:2026 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
6. GMO detection: P-FMV *Phát hiện GMO: P-FMV*	ISO/TS 21569-5:2016 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
7. GMO detection: Agroborder II *Phát hiện GMO: Agroborder II*	LFOD-TST-SOP-8851 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
8. GMO detection: tE9 *Phát hiện GMO: tE9*	LFOD-TST-SOP-8851 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
9. GMO detection: CpTI *Phát hiện GMO: CpTI*	LFOD-TST-SOP-8851 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
10. GMO detection: nptII *Phát hiện GMO: nptII*	LFOD-TST-SOP-8851 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
11. GMO detection: pat *Phát hiện GMO: pat*	LFOD-TST-SOP-8851 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	
12. GMO detection: cp4-epsps *Phát hiện GMO: cp4-epsps*	LFOD-TST-SOP-8851 (Real-time PCR)(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.01	-	g/100g	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

  _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
  _(a) *Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

CÔNG TY SGS VIỆT NAM TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN M.S.D.N:0100114025-C.T.T.N.H.H QUẬN 3-TP. HỒ CHÍ MINH

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

VILAS 237
AOSC VLAT 1.0977 ISO/IEC 17025:2017

SGS

Report N°: 0001596417

Ho Chi Minh City, Date: August 11, 2026
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 11/08/2026

JOB NO.: 2607A-0746
Đơn hàng: 2607A-0746

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : **BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY**
Tên khách hàng : *CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA*

CLIENT'S ADDRESS : **224 HA HUY GIAP STREET, TRAN BIEN WARD, DONG NAI CITY, VIETNAM**
Địa chỉ : *SỐ 224 ĐƯỜNG HÀ HUY GIÁP, PHƯỜNG TRẤN BIÊN, THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI, VIỆT NAM*

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : *Khách hàng*

Client's reference : **Gạo Biên Hòa Daily Cao Cấp OM18**
Chú thích của khách hàng

Sampling date : 04/06/2026

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Rice (approx. gr. wt. 2.6kg) in 02 plastic containers**
Mô tả mẫu : *Gạo (khoảng 2.6kg bao gồm bao bì) chứa trong 02 vật chứa bằng nhựa*

Sample ID : **2607A-0746.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : July 04, 2026
Ngày nhận mẫu : *04/07/2026*

Testing period : July 04, 2026 - July 20, 2026
Thời gian thử nghiệm : *04/07/2026 - 20/07/2026*

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : *Theo yêu cầu của khách hàng*

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : *Vui lòng tham khảo trang sau*

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

TEST RESULT(S)
KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

	Analyte *Chỉ tiêu phân tích*	Method *Phương pháp*	Result *Kết quả*	LOD	LOQ	Unit *Đơn vị*	Remark *Chú thích*
1.	Sulfuryl Fluoride (determined and expressed as Fluoride) *Sulfuryl florua (xác định và biểu thị dưới dạng Florua)*	LFOD-TST-SOP-8208(Δ)	Not Detected *Không phát hiện*	0.05	0.15	mg/kg	
2.	Pesticides by LC & GC-MS/MS(w) *Thuốc bảo vệ thực vật bởi LC & GC-MS/MS*						
	Permethrin (sum of cis- and trans-isomers) *Permethrin (tổng của đồng phân cis- và trans-)*	EN 15662:2018 (*)	<0.005	0.002	0.005	mg/kg	
	Clothianidin *Clothianidin*	EN 15662:2018	0.0050	0.002	0.005	mg/kg	
	Dinotefuran *Dinotefuran*	EN 15662:2018	<0.005	0.002	0.005	mg/kg	
	Hydrogen phosphide (all phosphides, expressed as hydrogen phosphide) *Hydro photphua (tất cả các dạng photphua, quy về hydro photphua)*	LFOD-TST-SOP-8500	<0.003	0.001	0.003	mg/kg	

Note/*Ghi chú*:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
  Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (1) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
  Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (1) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
  Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
  Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (w) Values below or equal to limit of detection, unless listed above. The test items are listed in the annex enclosed.
  (w) Nếu không được liệt kê bên trên thì những chất được kiểm nghiệm nhỏ hơn hoặc bằng giới hạn phát hiện. Các chỉ tiêu thử nghiệm được liệt kê trong phụ lục kèm theo.

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

- The Sulfuryl Fluoride test was measured and expressed as Fluoride after the natural incurring fluoride level and method uncertainty were taken into account.
  Chỉ tiêu Sulfuryl florua được đo và quy về florua sau khi hàm lượng florua tồn tại tự nhiên và độ không đảm bảo đo của phương pháp được xem xét.

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
  LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

  LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).
  LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/diện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

  _(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.
  _(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- Analysis method/ Phương pháp phân tích:
  - QuPPe-PO Method (EURL-SRM ver. 12.2, 2023) (Glufosinate (sum), Paraquat)
  - LFOD-TST-SOP-8531 (Methyl bromide)
  - LFOD-TST-SOP-8435 (Inorganic Bromide)
  - LFOD-TST-SOP-8500 (Hydrogen phosphide)
  - LFOD-TST-SOP-8457 (Guazatine acetate)
  - LFOD-TST-SOP-8425 (Herbicide acids)
  - EN 15662:2018 (Others)

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PHOTO APPENDIX/*PHỤ LỤC HÌNH ẢNH*



SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

PESTICIDES LIST ANNEX/ *PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:*

Unit/ *Đơn vị:* mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ	No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
1	2,4-D (sum of 2,4-D, its salts, its esters and its conjugates, expressed as 2,4-D)	94-75-7	0.003	0.01	2	2,6-Dichlorobenzamide	2008-58-4	0.002	0.005
3	3-Hydroxycarbofuran (3-OH carbofuran)	16655-82-6	0.0003	0.001	4	Acephate	30560-19-1	0.002	0.005
5	Aldicarb	116-06-3	0.002	0.005	6	Aldicarb (sum of aldicarb and its sulfoxide, sulfone, expressed as aldicarb)(*)	116-06-3	_(a)	_(a)
7	Azoxystrobin	131860-33-8	0.002	0.005	8	Bentazone	25057-89-0	0.002	0.005
9	Bentazone (Sum of bentazone, its salts and 6-hydroxy (free and conjugated) and 8-hydroxy bentazone (free and conjugated), expressed as bentazone)	25057-89-0	_(a)	_(a)	10	Bentazone-6-hydroxy (free and conjugated)	60374-42-7	0.003	0.01
11	Bentazone-8-hydroxy (free and conjugated)	60374-43-8	0.003	0.01	12	Boscalid	188425-85-6	0.002	0.005
13	Bromide (Inorganic)	24959-67-9	0.5	1.5	14	Carbaryl	63-25-2	0.002	0.005
15	Carbendazim and benomyl (sum, expressed as carbendazim)	10605-21-7	0.002	0.005	16	Carbendazim, benomyl and thiophanate-methyl (sum, expressed as carbendazim)	10605-21-7	_(a)	_(a)
17	Carbofuran	1563-66-2	0.0003	0.001	18	Carbofuran (sum of carbofuran (including any carbofuran generated from carbosulfan, benfuracarb or furathiocarb) and 3-OH carbofuran, expressed as carbofuran)	1563-66-2	_(a)	_(a)
19	Chlorantraniliprole	500008-45-7	0.002	0.005	20	Chlordane (sum of cis- and trans-chlordane)(*)	5103-71-9 & 5103-74-2	_(a)	_(a)
21	Chlordane, cis-(*)	5103-71-9	0.003	0.01	22	Chlordane, trans-(*)	5103-74-2	0.003	0.01
23	Chlorpyrifos (-ethyl)	2921-88-2	0.002	0.005	24	Chlorpyrifos-methyl	5598-13-0	0.003	0.01
25	Cinerin I	25402-06-6	0.002	0.005	26	Cinerin II	121-20-0	0.002	0.005
27	Clothianidin	210880-92-5	0.002	0.005	28	Cycloxydim	101205-02-1	0.003	0.01
29	Cycloxydim (sum of cycloxydim including degradation and reaction products which can be determined as BH 517-TGSO2 and/or BH 517-5-OH-TGSO2 or derivatives esters thereof, expressed as cycloxydim)	101205-02-1	_(a)	_(a)	30	Cycloxydim Metabolite BH 517-5-OH-TGSO2(*)	-	0.01	0.03
31	Cycloxydim Metabolite BH 517-TGSO2(*)	119725-81-4	0.01	0.03	32	Cyhalothrin-lambda and Cyhalothrin-gamma (sum)	91465-08-6 & 76703-62-3	0.002	0.005
33	Cypermethrin (cypermethrin including other mixtures of constituent isomers (sum of isomers))	52315-07-8	0.002	0.005	34	DDE, p,p'-	72-55-9	0.002	0.005
35	DDT (sum of p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE and p,p´-TDE (DDD) expressed as DDT)	50-29-3, 789-02-6, 72-55-9 & 72-54-8	_(a)	_(a)	36	DDT, o,p'-	789-02-6	0.002	0.005
37	DDT, p,p'-	50-29-3	0.002	0.005	38	Deltamethrin (sum of isomers)	52918-63-5	0.002	0.005
39	Dichlobenil	1194-65-6	0.002	0.005	40	Dichlobenil (sum of dichlobenil and 2,6-dichlorobenzamide)	1194-65-6 & 2008-58-4	_(a)	_(a)
41	Dichlorvos	62-73-7	0.002	0.005	42	Dieldrin	60-57-1	0.003	0.01
43	Diflubenzuron	35367-38-5	0.002	0.005	44	Dinotefuran	165252-70-0	0.002	0.005
45	Etofenprox	80844-07-1	0.002	0.005	46	Fenitrothion (MEP)	122-14-5	0.002	0.005
47	Fenthion	55-38-9	0.002	0.005	48	Fenthion (sum of fenthion and its oxygen analogue, their sulfoxides and sulfone, expressed as parent)	55-38-9	_(a)	_(a)
49	Fenthion sulfone	3761-42-0	0.002	0.005	50	Fenthion sulfoxide	3761-41-9	0.002	0.005
51	Fenthion-oxon	6552-12-1	0.002	0.005	52	Fenthion-oxon-sulfone	14086-35-2	0.002	0.005
53	Fenthion-oxon-sulfoxide	6552-13-2	0.002	0.005	54	Fipronil	120068-37-3	0.0003	0.001
55	Fipronil (sum of fipronil and sulfone metabolite, expressed as fipronil)	120068-37-3	_(a)	_(a)	56	Fipronil Sulfone	120068-36-2	0.0003	0.001
57	Fludioxonil	131341-86-1	0.002	0.005	58	Flutolanil	66332-96-5	0.002	0.005
59	Glufosinate (sum of isomers)	51276-47-2/ 77182-82-2	0.003	0.01	60	Glufosinate metabolite: 3-(Methylphosphinico)propionic acid (MPP)	15090-23-0	0.003	0.01

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Report N°: 0001596417

PESTICIDES LIST ANNEX/ *PHỤ LỤC DANH MỤC THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT:*

Unit/ *Đơn vị:* mg/kg

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
61	Glufosinate metabolite: Glufosinate-N-acetyl (NAG)	73634-73-8	0.003	0.01
63	Guazatine acetate (GG)	-	0.01	0.03
65	Guazatine acetate (GGN)	-	0.003	0.009
67	Guazatine acetate (GNG) (iminoctadine-triacetate)	57520-17-9	0.0007	0.002
69	Heptachlor	76-44-8	0.002	0.005
71	Heptachlor endo-epoxide (isomer A)	28044-83-9	0.003	0.01
73	Hydrogen phosphide (all phosphides, expressed as hydrogen phosphide)	7803-51-2	0.001	0.003
75	Imazapic	104098-48-8	0.003	0.01
77	Iprodione	36734-19-7	0.002	0.005
79	Jasmolin II	1172-63-0	0.002	0.005
81	Metalaxyl and metalaxyl-M (metalaxyl including other mixtures of constituent isomers including metalaxyl-M (sum of isomers))	57837-19-1	0.002	0.005
83	Methoprene	40596-69-8	0.003	0.01
85	Paraquat	4685-14-7	0.003	0.01
87	Piperonyl butoxide	51-03-6	0.002	0.005
89	Pirimiphos-methyl (sum of pirimiphos-methyl and pirimiphos-methyl-N-desethyl)	-	_(a)	_(a)
91	Prochloraz	67747-09-5	0.002	0.005
93	Pyrethrin I	121-21-1	0.002	0.005
95	Pyrethrins (sum of Pyrethrin I,II, Cinerin I,II, Jasmolin I,II)(*)	8003-34-7	_(a)	_(a)
97	Saflufenacil (sum of saflufenacil, M800H11 and M800H35, expressed as saflufenacil)(*)	372137-35-4	_(a)	_(a)
99	Saflufenacil Metabolite M800H35	1246768-31-9	0.002	0.005
101	Spinosad (sum of spinosyn A and D)	168316-95-8	_(a)	_(a)
103	Spinosyn D	131929-63-0	0.002	0.005
105	Tebuconazole	107534-96-3	0.002	0.005
107	Thiacloprid	111988-49-9	0.002	0.005
109	Triazophos	24017-47-8	0.002	0.005
111	Trifloxystrobin	141517-21-7	0.002	0.005

No	Name	CAS No.	LOD	LOQ
62	Glufosinate-ammonium (sum of glufosinate isomers, its salts, MPP and NAG, expressed as glufosinate)	51276-47-2/ 77182-82-2	_(a)	_(a)
64	Guazatine acetate (GGG)	-	0.007	0.02
66	Guazatine acetate (GN)	-	0.003	0.009
68	Guazatine acetate (GNN)	-	0.0008	0.0025
70	Heptachlor (sum of heptachlor and heptachlor epoxide, expressed as heptachlor)	76-44-8	_(a)	_(a)
72	Heptachlor exo-epoxide (isomer B)	1024-57-3	0.002	0.005
74	Imazamox (Sum of imazamox and its salts, expressed as imazamox)	114311-32-9	0.003	0.01
76	Imidacloprid	138261-41-3	0.002	0.005
78	Jasmolin I(*)	4466-14-2	0.01	0.02
80	Mesotrione(*)	104206-82-8	0.01	0.03
82	Methamidophos	10265-92-6	0.002	0.005
84	Methyl bromide	74-83-9	0.003	0.01
86	Permethrin (sum of cis- and trans- isomers)(*)	52645-53-1	0.002	0.005
88	Pirimiphos-methyl	29232-93-7	0.002	0.005
90	Pirimiphos-methyl-N-desethyl	67018-59-1	0.002	0.005
92	Prochloraz (sum of prochloraz and 2,4,6-trichlorophenol, expressed as prochloraz)	67747-09-5	_(a)	_(a)
94	Pyrethrin II	121-29-9	0.002	0.005
96	Saflufenacil	372137-35-4	0.002	0.005
98	Saflufenacil Metabolite M800H11(*)	1246768-30-8	0.01	0.02
100	Sedaxane (sum of cis- and trans-isomers)	874967-67-6	0.002	0.005
102	Spinosyn A	131929-60-7	0.002	0.005
104	TDE (DDD), p,p'-	72-54-8	0.002	0.005
106	Tebufenozide	112410-23-8	0.002	0.005
108	Thiophanate-methyl	23564-05-8	0.002	0.005
110	Trichlorophenol, 2,4,6-	88-06-02	0.003	0.01

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here

Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD.
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam TNHH
Lâm Văn Xự

Lâm Văn Xự
Giám đốc Ngành Sức khỏe & Dinh dưỡng

SGS Vietnam Ltd.
198 Nguyen Thi Minh Khai St., Xuan Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, 19/5A St., Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.